BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 04 /2022/TT-BTNMT	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2022

THÔNG TƯ

Quy định kỹ thuật kiểm tra, kiểm soát, đánh giá chất lượng tài liệu khí tượng trên cao, ra đa thời tiết, ô-dôn và bức xạ cực tím

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn; Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định kỹ thuật kiểm tra, kiểm soát, đánh giá chất lượng tài liệu khí tượng trên cao, ra đa thời tiết, ô-dôn và bức xạ cực tím.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định kỹ thuật kiểm tra, kiểm soát, đánh giá chất lượng tài liệu khí tượng trên cao, ra đa thời tiết, ô-dôn và bức xạ cực tím.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với hệ thống trạm khí tượng thủy văn quốc gia và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động kiểm tra, kiểm soát, đánh giá chất lượng tài liệu khí tượng trên cao, ra đa thời tiết, ô-dôn và bức xạ cực tím.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tài liệu khí tượng trên cao là các sản phẩm dạng giấy và vật mang tin, gồm tài liệu thám không vô tuyến và tài liệu gió trên cao.

2. Kiểm tra tài liệu là hoạt động xem xét tính đầy đủ về số lượng, dung lượng tài liệu khí tượng trên cao, ra đa thời tiết, ô-dôn và bức xạ cực tím (sau đây gọi chung là tài liệu).

3. Kiểm soát tài liệu là quá trình đối chiếu các kết quả thực tế trong tài liệu với các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật nhằm xác định sự sai lệch và nguyên nhân gây ra sai lệch, từ đó điều chỉnh sự sai lệch các kết quả trong tài liệu.

4. Đánh giá chất lượng tài liệu là hoạt động xác định bằng định lượng điểm số đạt được trên tổng số điểm chuẩn và xếp loại chất lượng tài liệu.

5. Điểm chuẩn là mức điểm cao nhất, quy định để đánh giá chất lượng tài liệu; điểm trừ là số điểm quy định trừ cho các sai sót xảy ra trong quan trắc, thu thập, tính toán, chỉnh lý, phân tích và giao nộp tài liệu; điểm đạt được tính bằng điểm chuẩn trừ tổng điểm trừ.

6. Tính hợp lý số liệu theo không gian là tính hợp lý của một hay nhiều yếu tố khí tượng tại vị trí quan trắc so với số liệu quan trắc tại các vị trí (hoặc trạm) xung quanh hoặc từ các nguồn số liệu khác.

7. Tính hợp lý số liệu theo thời gian là tính hợp lý số liệu của một hoặc nhiều yếu tố khí tượng so với giá trị số liệu tại cùng một vị trí quan trắc trong khoảng thời gian (thống kê) khác nhau.

Điều 4. Các loại tài liệu khí tượng trên cao, ra đa thời tiết, ô-dôn và bức xạ cực tím được kiểm tra, kiểm soát, đánh giá

Tài liệu được kiểm tra, kiểm soát, đánh giá bao gồm tài liệu bản giấy (các loại sổ ghi số liệu quan trắc, báo cáo, bảng biểu ghi kết quả số liệu thống kê, tính toán) và tài liệu dạng tập tin chứa số liệu:

1. Tài liệu thám không vô tuyến: tập tin chứa số liệu gốc, số liệu hiệu chuẩn, số liệu thống kê và các báo cáo.

2. Tài liệu gió trên cao: số liệu quan trắc, tập tin chứa số liệu tính toán kết quả quan trắc và các báo cáo.

3. Tài liệu ô-dôn và bức xạ cực tím: tập tin chứa số liệu gốc, tập tin chứa số liệu tính toán kết quả quan trắc, bảng số liệu thống kê và các báo cáo.

4. Tài liệu ra đa thời tiết: tập tin chứa số liệu gốc và các báo cáo.

Điều 5. Nội dung kiểm tra tài liệu khí tượng trên cao, ra đa thời tiết, ô-dôn và bức xạ cực tím

1. Nhận tài liệu và kiểm tra thời gian giao nộp tài liệu theo quy định.

2. Kiểm tra số lượng, dung lượng và phân loại: kiểm tra số lượng bản, số lượng trang của các tài liệu giấy, số lượng vật mang tin học (tệp dữ liệu, đĩa CD, DVD, ổ lưu,…) của tài liệu.

3. Kiểm tra tình trạng vật lý, hình thức của tài liệu: kiểm tra tài liệu có bị hư hỏng, nhàu, rách nát, nhòe, tẩy xóa, không đúng quy cách văn bản (đối với tài liệu giấy); sự cong vênh, ẩm mốc, gãy, nhiễm vi rút hoặc không có khả năng mở đối với các tập tin trên vật mang tin.

4. Kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ của tài liệu: kiểm tra nguồn gốc tài liệu có được thực hiện bởi các trang thiết bị quan trắc được cung cấp bởi cơ quan quản lý hay không; các thông số về seri, số máy hoặc nguồn xuất của thiết bị; kiểm tra số lượng các mục, tiểu mục đối với tài liệu giấy, số lượng file, dung lượng từng file tài liệu.

5. Kiểm tra để xác định tình trạng công trình quan trắc và thiết bị quan trắc:

a) Kiểm tra các thông tin báo cáo về công trình trạm và hành lang kỹ thuật;

b) Kiểm tra để xác định việc hiệu chuẩn, kiểm tra, bảo dưỡng, bảo quản thiết bị;

c) Kiểm tra để xác định tính đầy đủ vật tư, thiết bị tiêu hao.

Điều 6. Nội dung kiểm soát tài liệu khí tượng trên cao, ra đa thời tiết, ô-dôn và bức xạ cực tím

1. Kiểm soát tài liệu thám không vô tuyến gồm: phương pháp quan trắc, hiệu chỉnh phương tiện và dụng cụ đo; quy trình quan trắc, chế độ quan trắc, thời gian quan trắc; nhập số liệu, tính toán số liệu, chọn trị số đặc trưng, mã điện; tính hợp lý số liệu theo không gian, thời gian và yếu tố quan trắc:

a) Kiểm soát số liệu và việc nhập số liệu khoảnh khắc thả;

b) Kiểm soát việc lựa chọn đối lưu hạn, gió cực đại, gió lớn nhất, điểm đặc tính;

c) Kiểm soát các số liệu đã được mã hóa;

d) Kiểm soát, so sánh số liệu khoảnh khắc thả theo không gian và thời gian;

đ) Kiểm soát các điểm đặc tính để bổ sung hoặc loại bỏ khỏi chuỗi số liệu;

e) Kiểm soát tốc độ thăng (lên thẳng) ca quan trắc;

g) Kiểm soát thời gian giao nộp (truyền) dữ liệu, báo cáo.

2. Kiểm soát tài liệu gió trên cao gồm: phương pháp quan trắc, hiệu chỉnh phương tiện và dụng cụ đo; quy trình quan trắc, chế độ quan trắc, thời gian quan trắc; nhập số liệu, tính toán số liệu, chọn trị số đặc trưng, mã điện; tính hợp lý số liệu theo không gian, thời gian và yếu tố quan trắc:

a) Kiểm soát số liệu quan trắc;

b) Kiểm soát việc nhập số liệu quan trắc vào phần mềm để tính toán;

c) Kiểm soát kết quả tính toán và kết quả phát báo;

d) Kiểm soát việc lựa chọn gió cực đại, gió lớn nhất;

đ) Kiểm soát các yếu tố liên quan tới tốc độ thăng (lên thẳng) của bóng;

e) Kiểm soát, so sánh số liệu khí tượng bề mặt trước khi thả bóng theo không gian và thời gian để xem xét việc sử dụng bóng có phù hợp hay không;

g) Kiểm soát các đặc điểm thời tiết khi kết thúc quan trắc để xem xét nguyên nhân kết thúc quan trắc có phù hợp hay không;

h) Kiểm soát thời gian giao nộp (truyền) dữ liệu, báo cáo.

3. Kiểm soát tài liệu ô-dôn và bức xạ cực tím gồm: phương pháp quan trắc, hiệu chỉnh phương tiện và dụng cụ đo; quy trình quan trắc, chế độ quan trắc, thời gian quan trắc; tính toán số liệu và chọn trị số đặc trưng; tính hợp lý số liệu theo không gian, thời gian và yếu tố quan trắc:

a) Kiểm soát sự thừa, thiếu các số liệu trong các bảng biểu;

b) Kiểm soát tính đúng đắn, tính phù hợp của chế độ quan trắc với chu trình hoạt động của mặt trời (theo mùa, theo tháng và đặc điểm mây, gió);

c) Kiểm soát các thông số về các yếu tố nhiệt độ, độ ẩm của thiết bị và môi trường hoạt động của thiết bị;

d) Kiểm soát tính phù hợp của các chỉ số quan trắc và đặc trưng thời tiết;

e) Kiểm soát thời gian giao nộp (truyền) dữ liệu, báo cáo.

4. Kiểm soát tài liệu ra đa thời tiết gồm: tính đầy đủ của tài liệu; phương pháp quan trắc; tính hợp lý số liệu theo không gian, thời gian và yếu tố quan trắc:

a) Kiểm soát dung lượng tài liệu theo số obs (ca) quan trắc;

b) Kiểm soát thời gian giao nộp (truyền) dữ liệu, báo cáo;

c) Kiểm soát chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất;

d) Kiểm soát để xác định phương pháp quan trắc được thực hiện đúng theo yêu cầu kỹ thuật;

đ) Kiểm soát để xác định chế độ quan trắc;

e) Kiểm soát tính hợp lý theo không gian, thời gian chi tiết tới từng obs quan trắc;

g) Kiểm soát các yếu tố quan trắc về tính hợp lý, tính đầy đủ và tính chính xác của các yếu tố.

Điều 7. Đánh giá chất lượng tài liệu khí tượng trên cao, ra đa thời tiết, ô-dôn và bức xạ cực tím

1. Phương pháp đánh giá:

a) Đánh giá chất lượng tài liệu bằng phương pháp tính điểm, dựa vào điểm chuẩn (ĐC), điểm trừ (ĐT) và điểm đạt (ĐĐ);

b) Điểm chuẩn được tính là 100 điểm. Điểm chuẩn xác định cho từng hạng mục được đánh giá chất lượng tài liệu;

c) Điểm trừ được xác định trên cơ sở: biên bản kiểm tra kỹ thuật trạm, hồ sơ kỹ thuật, kiểm tra, kiểm soát tài liệu, các báo cáo; phân tích và đánh giá những sai sót về công trình, thiết bị, quan trắc, chỉnh lý và tính toán thống kê số liệu;

d) Điểm đạt của tài liệu được tính bằng điểm chuẩn trừ tổng điểm trừ:

$$ĐĐ = ĐC - \sum ĐT$$

2. Đánh giá tài liệu khí tượng trên cao, ra đa thời tiết, ô-dôn và bức xạ cực tím:

a) Điểm chuẩn tài liệu khí tượng trên cao, ô-dôn và bức xạ cực tím được quy định tại Bảng 1:

Bảng 1: Điểm chuẩn tài liệu khí tượng trên cao, ô-dôn và bức xạ cực tím

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn
1	Tính pháp lý, đầy đủ, thống nhất của tài liệu giấy và tệp số	20
2	Phương pháp quan trắc, hiệu chỉnh phương tiện và dụng cụ đo	10
3	Tính toán số liệu và mã điện	30
4	Tính hợp lý số liệu theo không gian, thời gian và yếu tố quan trắc	30
5	Tình trạng vật lý, hình thức của tài liệu	10

b) Điểm trừ của tài liệu thám không vô tuyến được quy định tại Bảng 2:

Bảng 2: Điểm trừ tài liệu thám không vô tuyến

TT	Nội dung đánh giá	Điểm trừ
1	Tính pháp lý, đầy đủ, thống nhất của tài liệu giấy và tệp số	1
2	Phương pháp quan trắc, hiệu chỉnh phương tiện và dụng cụ đo	
a	Thực hiện sai quy trình quan trắc, chế độ quan trắc, thời gian quan trắc	5
b	Thực hiện sai quy trình quan trắc, chế độ quan trắc, thời gian quan trắc ảnh hưởng nghiêm trọng đến số liệu	Hạ 1 bậc xếp loại
3	Nhập số liệu, tính toán số liệu, chọn trị số đặc trưng, thảo mã điện	
a	Tính sai tổng số, trung bình	1
b	Nhập số liệu khoảnh khắc thả	

-	Mỗi lần nhập sai mà không phát hiện được, nhưng không ảnh hưởng tới kết quả phát báo	1
-	Mỗi lần nhập sai, kịp thời sửa chữa trong quá trình quan trắc	1
-	Mỗi lần nhập sai, kịp thời sửa chữa mã điện trước khi phát báo	1
-	Mỗi lần nhập sai, không sửa chữa mã điện trước khi phát báo	2
-	Mỗi lần nhập sai, không phát hiện, không sửa chữa dẫn tới ảnh hưởng tới chất lượng số liệu	Hạ 1 bậc xếp loại
c	Chọn sai, thiếu đối lưu hạn, gió cực đại, gió lớn nhất, điểm đặc tính	1
d	Mã hóa số liệu không đúng	1
4	Tính hợp lý số liệu theo không gian, thời gian và yếu tố quan trắc	
a	Quan trắc sai số liệu khoảnh khắc thả	1
b	Quan trắc sai số liệu khoảnh khắc thả mà ảnh hưởng đến chất lượng số liệu	5
c	Quan trắc sai ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng số liệu	Hạ 1 bậc xếp loại
d	Mỗi đặc tính sai mà không loại bỏ khỏi chuỗi số liệu	1
e	Tốc độ thăng trung bình ca nằm ngoài phạm vi 5-8 m/s	
-	< 5%	1
-	> 5%	3
5	Tình trạng vật lý, hình thức của tài liệu	
a	Tình trạng vật lý của tài liệu bị hư hỏng (mất số liệu dưới 30 %, nhàu, rách nát, nhòe, ẩm mốc đối với tài liệu giấy và ẩm mốc, cong vênh đĩa CD, VCD, nhiễm vi rút đối với tệp số)	1
b	Hình thức của tài liệu (bị tẩy xóa, viết cẩu thả khó đọc, không đúng quy cách định dạng đối với tài liệu giấy và không đúng quy cách, định dạng số liệu đối với tài liệu tệp số)	1

c) Điểm trừ của tài liệu quan trắc gió trên cao được quy định tại Bảng 3:

Bảng 3: Điểm trừ tài liệu quan trắc gió trên cao

TT	Nội dung đánh giá	Điểm trừ
1	Tính pháp lý, đầy đủ, thống nhất của tài liệu giấy và tệp số	1
2	Phương pháp quan trắc, hiệu chỉnh phương tiện và dụng cụ đo	
a	Thực hiện sai quy trình quan trắc, chế độ quan trắc, thời gian quan trắc	5
b	Thực hiện sai quy trình quan trắc, chế độ quan trắc, thời gian quan trắc ảnh hưởng nghiêm trọng đến số liệu	Hạ 1 bậc xếp loại
3	Nhập số liệu, tính toán số liệu và chọn trị số đặc trưng, mã điện	-
a	Tính sai tổng số, trung bình	1
b	Nhập số liệu	
-	Mỗi số liệu nhập sai, không phát hiện được nhưng không ảnh hưởng tới kết quả phát báo	1
-	Mỗi lần nhập sai mà không phát hiện được ảnh hưởng đến kết quả phát báo	2
-	Mỗi lần nhập sai, không phát hiện, không sửa chữa dẫn tới ảnh hưởng nghiêm trọng tới chất lượng số liệu	Hạ 1 bậc xếp loại
c	Tốc độ lên thẳng (tốc độ thăng)	
-	Mỗi lần bơm bóng mà tốc độ lên thẳng không đúng quy định	1
4	Tính hợp lý số liệu theo không gian, thời gian và yếu tố quan trắc	
-	Mỗi lỗi sai, thiếu	1
5	Tình trạng vật lý, hình thức của tài liệu	
a	Tình trạng vật lý của tài liệu bị hư hỏng (mất số liệu dưới 30 %, nhàu, rách nát, nhòe, ẩm mốc đối với tài liệu giấy và ẩm mốc, cong vênh đĩa CD, VCD, nhiễm vi rút đối với tệp số)	1
b	Hình thức của tài liệu (bị tẩy xóa, viết cẩu thả khó đọc, không đúng quy cách định dạng đối với tài liệu giấy và không đúng quy cách, định dạng số liệu đối với tài liệu tệp số)	1

d) Điểm trừ của tài liệu ô-dôn và bức xạ cực tím được quy định tại Bảng 4:

Bảng 4: Điểm trừ tài liệu ô-dôn và bức xạ cực tím

TT	Nội dung đánh giá	Điểm trừ
1	Tính pháp lý, đầy đủ, thống nhất của tài liệu giấy và tệp số	1
2	Phương pháp quan trắc, hiệu chỉnh phương tiện và dụng cụ đo	
a	Thực hiện sai quy trình quan trắc, chế độ quan trắc, thời gian quan trắc	5
b	Thực hiện sai quy trình quan trắc, chế độ quan trắc, thời gian quan trắc ảnh hưởng nghiêm trọng đến số liệu	Hạ 1 bậc xếp loại
3	Tính toán số liệu và chọn trị số đặc trưng	
-	Mỗi lỗi sai, thừa, thiếu trong các bảng biểu, tờ tổng hợp số liệu	1
4	Tính hợp lý số liệu theo không gian, thời gian và yếu tố quan trắc	
-	Mỗi lỗi sai, thiếu	1
5	Tình trạng vật lý, hình thức của tài liệu	
a	Tình trạng vật lý của tài liệu bị hư hỏng (làm mất số liệu dưới 30 %, nhàu, rách nát, nhòe, ẩm mốc đối với tài liệu giấy và ẩm mốc, cong vênh đĩa CD, nhiễm vi rút đối với tệp số)	1
b	Hình thức của tài liệu (bị tẩy xóa, viết cẩu thả khó đọc, không đúng quy cách định dạng đối với tài liệu giấy và không đúng quy cách, định dạng số liệu đối với tài liệu tệp số)	1

3. Đánh giá tài liệu ra đa thời tiết

a) Điểm chuẩn tài liệu ra đa thời tiết được quy định tại Bảng 5:

Bảng 5: Điểm chuẩn tài liệu ra đa thời tiết

TT	Nội dung đánh giá	Điểm chuẩn
1	Tính pháp lý, đầy đủ, thống nhất của tài liệu giấy và tệp số	30
2	Công trình, thiết bị quan trắc	30

3	Phương pháp quan trắc	20
4	Tính hợp lý số liệu theo không gian, thời gian và yếu tố quan trắc	15
5	Tình trạng vật lý, hình thức của tài liệu	5

b) Điểm trừ tài liệu ra đa thời tiết được quy định tại Bảng 6:

Bảng 6: Điểm trừ tài liệu ra đa thời tiết

TT	Nội dung đánh giá	Điểm trừ
1	Tính pháp lý, đầy đủ, thống nhất của tài liệu giấy và tệp số	
a	Tài liệu không đầy đủ	Theo % số tài liệu bị thiếu
b	Không giao nộp tài liệu đúng hạn	Theo % số tài liệu bị chậm
2	Tình hình công trình, thiết bị quan trắc	
a	Công trình trạm và hành lang kỹ thuật bị vi phạm	2.5
b	Hệ thống thiết bị không được hiệu chuẩn, kiểm tra, bảo dưỡng, bảo quản theo đúng quy định	3
c	Vật tư kỹ thuật, thiết bị tiêu hao không đầy đủ	5
3	Phương pháp quan trắc	
a	Không thực hiện quan trắc đúng theo yêu cầu, hướng dẫn, quy định kỹ thuật	5
b	Không thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất	5
4	Tính hợp lý số liệu theo không gian, thời gian và yếu tố quan trắc	
a	Số liệu không hợp lý theo không gian	Theo % số tài liệu bị sai
b	Số liệu không hợp lý theo thời gian	Theo % số tài liệu bị sai
c	Số liệu không hợp lý theo yếu tố quan trắc	Theo % số tài liệu bị sai
5	Tình trạng vật lý, hình thức của tài liệu	
a	Tình trạng vật lý của tài liệu (mất số liệu dưới 30 %, nhàu, rách nát, nhòe, ẩm mốc đối với tài liệu giấy và	1

	ẩm mốc, cong vênh đĩa CD, VCD, nhiễm vi rút đối với tệp số)	
b	Hình thức của tài liệu (bị tẩy xóa, không đúng quy cách định dạng đối với tài liệu giấy và không đúng quy cách, định dạng số liệu đối với tài liệu tệp số)	2

4. Nguyên tắc tính điểm trừ

a) Tổng số điểm trừ không vượt quá số điểm chuẩn;

b) Điểm trừ (đối với một lỗi thiếu hoặc sai) chỉ tính một lần khi đánh giá chất lượng tài liệu của một yếu tố quan trắc có sai sót do kết quả của việc tính toán từ những sai sót kéo theo (dây chuyền) mà kết quả cuối cùng của yếu tố đó không ảnh hưởng nhiều đến chất lượng chung của tài liệu;

c) Không đánh giá chất lượng tài liệu khi số ca quan trắc thực hiện dưới 75%;

d) Chất lượng tài liệu xếp loại kém khi tình trạng vật lý của vật mang tin bị hư hỏng (ẩm mốc, cong vênh, nhiễm vi rút) hoặc mất số liệu từ 30% trở lên.

5. Xếp loại chất lượng tài liệu

a) Đánh giá, xếp loại chất lượng tài liệu được thực hiện 1 lần/tháng/trạm; chất lượng tài liệu theo năm là kết quả trung bình cộng của các tháng;

b) Chất lượng tài liệu là giá trị "điểm đạt" và được xếp loại theo Bảng 7 như sau:

Bảng 7: Bảng xếp loại chất lượng tài liệu

STT	Điểm đạt	Xếp loại
1	Từ 85 đến 100	Tốt
2	Từ 70 đến dưới 85	Khá
3	Từ 50 đến dưới 70	Trung bình
4	Dưới 50	Kém

c) Cơ quan, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao đánh giá chất lượng tài liệu khí tượng trên cao, ra đa thời tiết, ô-dôn và bức xạ cực tím phải có bản nhận xét, đánh giá theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày *18* tháng *7* năm 2022.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng Thủy văn có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện Thông tư này.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Lưu: VT, PC, KHCN, TCKTTV (200).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Lê Công Thành

Phụ lục

MẪU PHIẾU ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TÀI LIỆU

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2022/TT-BTNMT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

ĐƠN VỊ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TÀI LIỆU ------- Số:… / (ký hiệu văn bản)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---------- *……, ngày……tháng……năm……*

PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG TÀI LIỆU…

1. Tên trạm……Tài liệu tháng.……năm……..

2. Kết quả đánh giá tài liệu:

a) Số điểm đạt…… Xếp loại chất lượng tài liệu …….…….

b) Nhận xét tài liệu ……...

…….....…….

3. Đề nghị: ……..…

Người đánh giá *(ký, ghi rõ họ tên)*	**Phụ trách bộ phận đánh giá** *(ký, ghi rõ họ tên)*	**Đại diện đơn vị đánh giá chất lượng tài liệu** *(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*